TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/DS- ST
Ngày: 21/4/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phúc và bà Trịnh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký TAND vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-DS ngày 13/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B - B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh T; Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K (Văn bản ủy quyền đề ngày 25/3/2026). Có mặt.

Địa chỉ: Số C T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025, Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/9/2024, ông Nguyễn Tấn C có ký kết với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh K Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sở dụng thẻ

tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Tấn C, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K cấp hạn mức tín dụng số tiền là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất 2,77%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Tấn C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.944.697 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 2.180.000 đồng; chưa trả được tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn C1 trả số tiền tính đến ngày 21/4/2026 tổng cộng là 25.469.201 đồng *(Hai mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm linh một đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 17.438.240 đồng, lãi quá hạn là 8.030.961 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi ông C thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Về án phí: Yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tấn C1 chịu.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn C2 được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng do bị đơn ông Nguyễn Tấn C3 phạm nghĩa vụ trả nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn C4 trú tại số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn C2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015 Sửa đổi, bổ sung năm 2025), Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 30/9/2024, ông Nguyễn Tấn C có ký kết với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh K Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sở dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Tấn C, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K cấp hạn mức tín dụng số tiền là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất 2,77%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng thể hiện ý chí của các các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại 102 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 117, Điều 385, Điều 463 Bộ luật dân sự, nên Hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Tấn C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.944.697 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 2.180.000 đồng; chưa trả được tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 280 và 466 Bộ luật Dân sự.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc ông Nguyễn Tấn C1 trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 21/4/2026 tổng cộng là 25.469.201 đồng *Hai mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm linh một đồng).* Trong đó, nợ gốc là 17.438.240 đồng, lãi quá hạn là 8.030.961 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi ông C thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng có căn cứ pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn ông Nguyễn Tấn C1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147;điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Tấn C phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 21/4/2026 tổng cộng là 25.469.201 đồng *Hai mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm linh một đồng).* Trong đó, nợ gốc là 17.438.240 đồng, lãi quá hạn là 8.030.961 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Tấn C phải chịu 1.273.000 đồng *(Một triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 514.939 đồng (*Năm trăm mười bốn nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002196 ngày 10/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Quảng Ngãi.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*ngày 21 tháng 4 năm 2026)* nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựthì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Quảng
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hường